TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2024
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Anh Huê

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Không

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị H; nơi ĐKHKTT: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Số 1247 Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2024 và đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung

đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên không được bao lâu thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến đã sống ly thân. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy kiên quyết xin ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Theo chị H thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Mai Anh P, sinh ngày 01/02/2012. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao con chung cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại đơn khởi kiện, chị H trình bày cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng. Tại đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt chị H có ý kiến cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với anh T mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt anh Đặng Văn T thống nhất trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì giữa anh và chị Mai Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm, hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đã sống ly thân từ lâu. Hiện tại anh không còn tình cảm gì với chị H nửa, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc được, nên mong muốn được ly hôn và đồng ý ly hôn với chị H.

Về quan hệ con chung: Theo anh T thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Mai Anh P, sinh ngày 01/02/2012. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con thành niên.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đặng Văn T và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Mai Thị H và anh Đặng Văn T đã có đơn xin xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Mai Thị H và bị đơn anh Đặng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/12/2016, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẽ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị H và anh T đã không thực hiện được. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, do vậy thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau; hai bên đã sống ly thân từ lâu, không tìm được hướng đi chung, không còn giải pháp hàn gắn. Chị H, anh T xác định thật sự không còn tình cảm gì với nhau, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng nhau được nữa mà nguyện vọng xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị H, anh T và xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xét xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Đặng Văn T.

[3] Về quan hệ con chung:

[3.1] Giữa chị Mai Thị H và anh Đặng Văn T có một con chung là Mai Anh P, sinh ngày 01/02/2012. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao con chung cho anh Đặng Văn T nuôi dưỡng. Đồng thời, anh T cũng mong muốn được trực tiếp nuôi con và cháu P cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, giao con chung cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Mai Thị H và anh Đặng Văn T chưa thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tiền cấp dưỡng nuôi con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng như chị H đề nghị là chưa bảo đảm nhu cầu thiết yếu của con, chưa phù hợp với điều kiện thực tế. Do vậy, cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng và buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 8/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị H và anh Đặng Văn T thống nhất thừa nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị Mai Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H, xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Mai Anh P, sinh ngày 01/02/2012 cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Chị Mai Thị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 08/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị H phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002110, ngày 27/5/2024. Số tiền án phí chị Mai Thị H còn phải nộp là 300.000 đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực